

Số: /BC-UBND

Bình Lư, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Kế hoạch số 3110/KH-UBND ngày 24/4/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về kế hoạch về phòng chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 - 2030. UBND xã Bình Lư ban hành Kế hoạch hành động về Phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn xã về tầm quan trọng của việc phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung; khuyến khích chủ động phòng bệnh, phát hiện sớm và điều trị kịp thời. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ trong độ tuổi tham gia khám, sàng lọc định kỳ nhằm phát hiện sớm ung thư vú và ung thư cổ tử cung, góp phần giảm tỷ lệ mắc và tử vong. Nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, đặc biệt là Trạm Y tế xã trong việc tư vấn, khám, phát hiện sớm, quản lý và theo dõi các trường hợp có nguy cơ mắc bệnh. Đẩy mạnh sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ, từng bước nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát nội dung, mục tiêu của Kế hoạch, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức. Các ban, ngành, đoàn thể xã, Trạm Y tế xã và các đơn vị liên quan chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, phối hợp chặt chẽ trong tổ chức thực hiện; xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền với nội dung, hình thức đa dạng, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt là phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo đảm lồng ghép hiệu quả các hoạt động phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung với các chương trình, kế hoạch chăm sóc sức khỏe Nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu quả dự phòng các cấp, chẩn đoán, điều trị và quản lý sau

điều trị ung thư vú (UTV) và ung thư cổ tử cung (UTCTC), góp phần đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về một số giải pháp tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030 cũng như các mục tiêu phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể và chỉ tiêu

Chỉ tiêu đến năm 2030

- Ung thư vú: Giảm tỷ lệ tử vong do UTV trung bình 2,5% mỗi năm;
- Ung thư cổ tử cung: Giảm tỷ lệ mắc mới UTCTC dưới 4/100.000 phụ nữ và giảm tỷ lệ tử vong <1/100.000 phụ nữ, tiến tới loại trừ UTCTC.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2030
2.1.	<i>Mục tiêu 1: Tăng cường quản lý chương trình phòng, chống UTV, UTCTC</i>	
a	Xã xây dựng kế hoạch hành động của địa phương về phòng chống UTV và UTCTC giai đoạn 2026-2030 (%)	x
<i>2.2. Mục tiêu cụ thể 2: Nâng cao hiệu quả dự phòng cấp 0 và cấp I đối với UTV và UTCTC</i>		
<i>Chỉ tiêu chung</i>		
a	Tỷ lệ người trưởng thành được tiếp cận thông tin về UTV, UTCTC (nguy cơ, dấu hiệu, phương pháp dự phòng, sàng lọc) qua các kênh phổ biến, hiện đại (%)	70
b	Tỷ lệ triển khai chương trình truyền thông về UTV, UTCTC thường xuyên, có trọng tâm, phù hợp đặc thù địa phương (%)	100
<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC</i>		
c	Trẻ em gái 9-15 tuổi được tiêm đủ liều vắc xin HPV tại các địa bàn được triển khai (%)	90
<i>2.3. Mục tiêu cụ thể 3: Tăng độ bao phủ sàng lọc phát hiện sớm UTV và UTCTC nhằm giảm tỷ lệ tử vong và cải thiện tỷ lệ sống thêm</i>		
<i>Chỉ tiêu chung</i>		
a	Triển khai hoạt động sàng lọc UTV và UTCTC theo hướng dẫn chuyên môn	

TT	Chỉ tiêu	Năm 2030
<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTV</i>		
b	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi mục tiêu (từ 40-70 tuổi) được khám và sàng lọc định kỳ theo hướng dẫn chuyên môn (%)	50
c	Tỷ lệ phụ nữ có dấu hiệu nghi ngờ hoặc kết quả sàng lọc bất thường được chẩn đoán xác định trong vòng ≤ 60 ngày kể từ lần khám đầu tiên (%)	50
<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC</i>		
d	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi mục tiêu (từ 30- 49 tuổi) được xét nghiệm sàng lọc UTCTC bằng phương pháp xét nghiệm hiệu năng cao ¹ theo Hướng dẫn về Dự phòng và kiểm soát UTCTC và được xét nghiệm lại trước tuổi 45 vào năm 2030 (%)	35
2.4. Mục tiêu cụ thể 4: Đảm bảo chất lượng điều trị, chăm sóc liên tục, toàn diện và nhân văn đối với UTV và UTCTC		
<i>Chỉ tiêu chung</i>		
a	Tỷ lệ người bệnh được theo dõi và tái khám định kỳ, quản lý lâu dài sau điều trị theo tiêu chuẩn chuyên môn (%)	70
b	Tỷ lệ nhân viên y tế cấp ban đầu được đào tạo về khám sàng lọc, nhận biết dấu hiệu nghi ngờ, tổn thương tiền ung thư và chuyên đúng quy trình (%)	80
<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTV</i>		
c	Tỷ lệ trường hợp UTV xâm lấn được phát hiện ở giai đoạn sớm (giai đoạn I - II) (%)	40
d	Tỷ lệ người bệnh UTV được điều trị đa mô thức; chăm sóc toàn diện và hoàn thành liệu trình điều trị theo hướng dẫn chuyên môn (%)	60
<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC</i>		
g	Tỷ lệ phụ nữ được chẩn đoán tổn thương tiền ung thư hoặc UTCTC xâm lấn được phát hiện, xử trí đúng theo hướng dẫn	80

TT	Chỉ tiêu	Năm 2030
	chuyên môn (%)	
2.5. Mục tiêu cụ thể 5: Đảm bảo nguồn lực tài chính bền vững và công bằng trong tiếp cận dịch vụ		
a	Xã bố trí nguồn kinh phí dành riêng cho hoạt động phòng chống UTV, UTCTC	x
b	Các chương trình khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ có lồng ghép sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC (%)	x
2.6. Mục tiêu cụ thể 6: Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu, và giám sát chương trình phòng chống UTV, UTCTC		
a	Xây dựng, lồng ghép vận hành hiệu quả hệ thống thông tin y tế theo hướng kết nối, liên thông, tích hợp hướng đến quản lý cá nhân hoá dữ liệu	x
b	Tỷ lệ hồ sơ sức khỏe điện tử của phụ nữ có tích hợp dữ liệu tiêm phòng HPV, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị UTV, UTCTC (%)	70
c	Tỷ lệ nhân viên y tế tham gia cung cấp dịch vụ phòng chống UTV và UTCTC sử dụng Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản (%)	70
d	Tỷ lệ các trường hợp UTV, UTCTC mới được phát hiện được ghi nhận và theo dõi trên Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản và kết nối với Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư (%)	70

III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Nhóm giải pháp về chính sách và tài chính

- Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, huy động nguồn lực đầu tư cho công tác dự phòng và sàng lọc UTV, UTCTC từ ngân sách trung ương và địa phương, các đối tác phát triển, khu vực tư nhân và các tổ chức phi chính phủ. Ưu tiên bố trí ngân sách cho các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Lồng ghép sàng lọc phát hiện sớm UTV, sàng lọc và điều trị tiền UTCTC vào các chính sách về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ (khám sức khỏe định kỳ, Chương trình mục tiêu quốc gia Chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển, các chiến lược, Kế hoạch hành động quốc gia về phòng chống bệnh không lây nhiễm và chăm sóc sức khỏe phụ nữ...).

- Huy động các nguồn lực hỗ trợ phụ nữ nghèo khám, sàng lọc và điều trị

sớm UTV, UTCTC thông qua các chương trình, dự án của trung ương và địa phương, hợp tác trong nước và quốc tế, các quỹ nhân đạo, từ thiện...

2. Nhóm giải pháp về truyền thông, vận động, giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi

- Đẩy mạnh truyền thông vận động về tầm quan trọng của công tác sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC cho các nhà hoạch định chính sách, người làm công tác quản lý ở các cấp, các đại biểu dân cử, người có uy tín trong cộng đồng... Huy động sự tham gia của các đoàn thể và tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, các hội chuyên ngành ... tham gia vào vận động chính sách, nguồn lực và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC.

- Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện đại chúng, mạng xã hội và truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức và hoạt động truyền thông, chú trọng đến đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán, ngôn ngữ và điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi bản, nhóm dân tộc. Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại các cơ sở cung cấp dịch vụ.

- Phát triển thông điệp truyền thông và triển khai truyền thông - giáo dục sức khỏe theo hướng tập trung vào việc ngăn chặn các yếu tố nguy cơ gây ung thư phát triển trong cộng đồng như thúc đẩy lối sống lành mạnh, dinh dưỡng hợp lý; tăng cường hoạt động thể chất; phòng, chống tác hại của rượu, bia, thuốc lá; thực hành tình dục an toàn. Nhấn mạnh lợi ích của dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC, tập trung vào các hành vi mục tiêu: chủ động tiêm phòng HPV, khám phụ khoa, khám vú và sàng lọc định kỳ; tháo gỡ các rào cản tâm lý, giảm kỳ thị, sợ bị chẩn đoán UTV, UTCTC, nâng cao sự sẵn sàng của phụ nữ trong việc đi khám và chẩn đoán sớm, nhất là tại khu vực nông thôn. Đặc biệt chú trọng đối với những phụ nữ nguy cơ cao bị UTV (trên 40 tuổi, tiền sử gia đình có UTV, béo phì, ít vận động...) và UTCTC (dương tính với HIV, phụ nữ là người nhận ghép tạng, phụ nữ đang sử dụng từ 2 loại thuốc ức chế miễn dịch trở lên...).

- Tổ chức truyền thông về phòng chống UTV, UTCTC. Lồng ghép truyền thông vào các chương trình sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và phòng chống bệnh không lây nhiễm. Đẩy mạnh công tác truyền thông cho phụ huynh và các trường học nhằm tăng tỷ lệ bao phủ tiêm chủng HPV.

- Nâng cao năng lực thực hiện hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe của các báo cáo viên, cán bộ y tế các cấp, cán bộ các hội, đoàn thể, truyền thông viên tại cộng đồng tham gia vào các hoạt động truyền thông phòng chống UTV, UTCTC.

3. Nhóm giải pháp về nhân lực, nâng cao năng lực

- Đào tạo nhân viên y tế theo các quy trình đã được chuẩn hóa, đào tạo liên tục, chuyển giao kỹ thuật cho cấp dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc, đào tạo theo kíp về sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và theo dõi người bệnh UTV và UTCTC theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Đào tạo chuyên sâu về chẩn đoán hình ảnh vú (siêu âm, X-quang vú, MRI) và kỹ thuật sinh thiết lõi, giải phẫu bệnh; tế bào học, soi CTC, điều trị tổn thương sớm CTC... phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Tăng cường đào tạo trực, tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa bằng công nghệ thông tin nhằm trao đổi thông tin, đào tạo, hội chẩn, tư vấn, hỗ trợ chuyên môn từ các bệnh viện chuyên sâu cho cấp ban đầu.

- Đưa nội dung phòng chống UTV, UTCTC vào chương trình đào tạo tiền lâm sàng cho điều dưỡng, hộ sinh (đối với UTV).

- Cải thiện chất lượng công tác chỉ đạo chuyên môn về dự phòng, sàng lọc, điều trị UTV, UTCTC; tăng cường giám sát hỗ trợ, thông tin hai chiều; kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn trong lĩnh vực này ở các cơ sở y tế, bao gồm cả các cơ sở y tế công lập, y tế tư nhân.

4. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất, thiết bị

- Trang bị máy X-quang, máy siêu âm cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Trạm Y tế xã.

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho phòng chống UTCTC tại Trạm Y tế để đảm bảo công tác khám, sàng lọc ban đầu về UTCTC.

- Cung cấp các thiết bị cần thiết cho Trạm Y tế đủ khả năng điều trị tổn thương CTC và tiền UTCTC.

5. Nhóm giải pháp về chuyên môn kỹ thuật, khoa học và công nghệ

- Cập nhật các hướng dẫn chuyên môn, quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị, sau điều trị, tái khám và phục hồi chức năng, phát triển hỗ trợ tâm lý, chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc giảm đau, tư vấn dinh dưỡng của Bộ Y tế.

- Triển khai hiệu quả việc đưa vắc-xin HPV vào chương trình Tiêm chủng mở rộng đúng lộ trình cho trẻ em gái theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Bên cạnh đó, khuyến khích các cơ sở tiêm chủng dịch vụ tăng cường triển khai cung cấp vắc-xin HPV nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tự nguyện phòng bệnh UTCTC.

6. Nhóm giải pháp về ghi nhận thông tin, theo dõi và giám sát

- Triển khai bộ chỉ số, công cụ theo dõi, giám sát, đánh giá về công tác phòng chống UTV, UTCTC theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Lồng ghép việc ghi nhận thông tin về sàng lọc UTV, UTCTC vào Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản; triển khai Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, AI trong thống kê, báo cáo; nâng cao năng lực thông qua hình thức tập huấn/đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu thu thập. Triển khai báo cáo điện tử tự động từ cấp xã lên cấp tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Đào tạo nhân viên y tế sử dụng phần mềm quản lý, phân tích dữ liệu, đảm bảo bảo mật thông tin.

- Tổ chức giám sát định kỳ, đánh giá hiệu quả và báo cáo tổng hợp, cập nhật dữ liệu lên Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư (bao gồm UTV và UTCTC) theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm và nguồn kinh phí chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp hiện hành. Nguồn lồng ghép với các đề án, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của tỉnh có liên quan và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện Kế hoạch Hành động về Phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026-2030 tại địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đa dạng hoá các loại hình truyền thông về các biện pháp phòng, chống UTV, UTCTC.

2. Phòng Kinh tế

- Tham mưu UBND xã bảo đảm kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch theo phân cấp ngân sách quy định hiện hành.

- Tham mưu nguồn vốn đầu tư và huy động các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

3. Trạm Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Cơ quan MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội xã trong truyền thông, vận động cộng đồng tham gia sàng lọc phát hiện sớm bệnh. Huy động mọi nguồn lực, triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

- Tổ chức định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu theo quy định.

4. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Phối hợp với Trạm Y tế tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông về phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung bằng nhiều hình thức (loa truyền thanh, pa nô, áp phích, mạng xã hội...).

5. Đề nghị UBNDTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã

- Phối hợp với Trạm Y tế đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân nâng cao nhận thức về phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung; thay đổi hành vi, chủ động tham gia khám, sàng lọc định kỳ.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền phòng, chống bệnh vào các phong trào, cuộc vận động tại địa phương; đưa tiêu chí chăm sóc sức khỏe phụ nữ vào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa. Vận động phụ nữ trong độ tuổi tham gia các chương trình sàng lọc, khám sức khỏe định kỳ; đặc biệt chú trọng các đối tượng vùng sâu, vùng xa, hộ nghèo, cận nghèo.

- Huy động các nguồn lực xã hội hóa, hỗ trợ phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận dịch vụ khám, sàng lọc và điều trị bệnh.

Trên đây là kế hoạch phòng chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung gia đoạn 2026-2030. Căn cứ nội dung Kế hoạch, UBND xã yêu cầu các phòng, ban ngành, đoàn thể liên quan, nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh;
- TT: Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban ngành đoàn thể xã;
- Trạm Y tế xã;
- Lưu: VT. VHXH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Nhàn